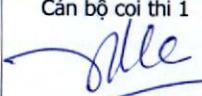
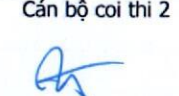
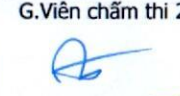


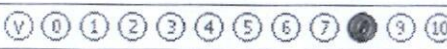
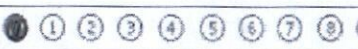
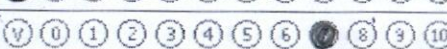
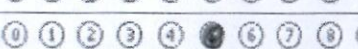
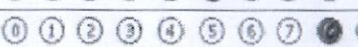
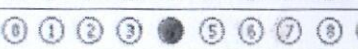
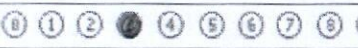
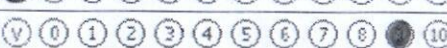
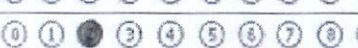
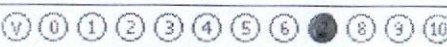
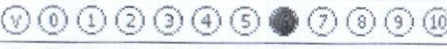
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **PLC (228251) - Nhóm 01**
CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Việt Khoa	Cán bộ coi thi 2  Vũ Văn Thọ	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Việt Khoa	G.Viên chấm thi 2  Vũ Văn Thọ
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119140035	PHẠM NGỌC CHUNG	16/01/2001	CCQ1914B				7,6	8,3	8,0		
2	2121140019	NGUYỄN THẾ DU	03/04/2003	CCQ2114A				7,6	8,0	7,8		
3	2119140038	PHAN THANH DƯƠNG	05/06/2001	CCQ1914B				7,5	8,8	8,3		
4	2119140039	HUỖNH HẢI ĐĂNG	02/05/2001	CCQ1914B								
5	2121140006	NGUYỄN NGỌC HIỀN	18/03/2003	CCQ2114A				7,4	7,5	7,5		
6	2121140039	TRẦN VĂN HIẾU	05/06/2003	CCQ2114A				7,1	8,3	7,8		
7	2121140029	NGUYỄN THANH HỒ	29/08/2003	CCQ2114A				6,8	7,8	7,4		
8	2121140036	THÂN ĐỨC TRƯỜNG HUY	19/03/2003	CCQ2114A				7,4	7,5	7,4		
9	2121140014	TRẦN QUỐC KHÁNH	02/09/2003	CCQ2114A				8,1	8,5	8,3		
10	2121140015	PHẠM MINH KHÔI	05/11/2003	CCQ2114A				7,1	7,5	7,4		
11	2121140020	NGUYỄN DUY KIẾU	04/08/2003	CCQ2114A								
12	2121140003	NGUYỄN NGỌC LÂM	20/10/2003	CCQ2114A				8,9	9,3	9,2		
13	2121060006	HỨA THANH LONG	30/05/2000	CCQ2106A								
14	2121140028	NGUYỄN PHI LONG	25/06/2003	CCQ2114A				7,2	7,8	7,5		
15	2121140001	NGUYỄN HỒNG NGUYỄN	10/06/2003	CCQ2114A				7,8	8,0	7,9		
16	2121140024	NGUYỄN THANH NHÀN	28/05/2003	CCQ2114A								
17	2121140002	BÙI MINH NHỰT	26/02/2003	CCQ2114A				7,3	6,3	6,7		
18	2121140031	LÊ TẤN PHÁT	25/06/2003	CCQ2114A				7,5	8,0	7,8		
19	2121140011	NGUYỄN THANH SƠN	08/01/2003	CCQ2114A				6,1	7,0	6,6		
20	2121140038	NGUYỄN NGỌC THẮNG	07/01/2001	CCQ2114A				8,0	7,8	7,9		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **PLC (228251) - Nhóm 01**

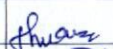
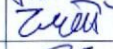
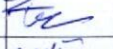
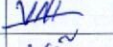
CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 23.....

Số bài thi: 23.....

Số tờ giấy thi:
.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Việt Khoa	 Nguyễn Văn Sang	 Nguyễn Việt Khoa	 Nguyễn Văn Sang

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121140026	TRẦN THẾ THUẬN	03/12/2003	CCQ2114A				7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121140017	LÊ HOÀNG TRIỀU	08/08/2002	CCQ2114A				7,1	7,3	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121140008	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	19/02/2003	CCQ2114A				8,1	9,0	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121140016	ĐỖ MINH TRƯỜNG	06/05/2003	CCQ2114A				7,4	7,3	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121140033	VŨ NHẬT TRƯỜNG	20/05/2003	CCQ2114A				7,5	7,8	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121140007	ĐỖ TIẾN VĨ	03/06/2003	CCQ2114A				7,9	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121140021	HOÀNG CÔNG VINH	02/08/2003	CCQ2114A				8,0	7,8	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9